TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày:30-03-2018
V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngNguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Lê Văn Hào

Ông Nguyễn Gia Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Ngọc Minh– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:Ông Trần Anh Văn - Kiểm sát viên,

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khaivụ án dân sự thụ lý số:49/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày26 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 14/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1973; *Địa chỉ*: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Minh Th,** sinh năm 1978; *Địa chỉ:*KP P, phường T, thị xã Đ, tỉnh B; (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Lê Kim X**, sinh năm 1954; *Địa chỉ*: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Huỳnh Đ**, sinh năm 1952; *Địa chỉ*: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th cùng trình bày:

Bà Nh có cho vợ chồng bà Lê Kim X và ông Huỳnh Đ vay tổng số tiền là 330.000.000 đồng, các lần vay cụ thể:

Ngày 21/8/2014, bà Nh cho bà X vay số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 05/5/2015, bà Nh cho bà X vay số tiền 130.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2015, bà Nh cho bà X vay số tiền 100.000.000 đồng.

Sau đó đến ngày 20/3/2017, do bà X không trả được tiền vay gốc và lãi cho bà Nh nên giữa bà X và bà Nh đã lập hợp đồng vay tiền có công chứng, nội dung là chốt cả nợ gốc và lãi của 03 lần vay nêu trên thành: Bà X có nợ bà Nh số tiền vay gốc 370.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1% / tháng, trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn vay từ ngày 20/3/2017 đến ngày 31/5/2017. Khi cho vay thì ông Huỳnh Đ có biết việc vay tiền vì tại lần vay đầu tiên năm 2014, khi giao tiền thi ông Huỳnh Đ có ký vào. Nhưng do tại thời điểm ngày 20/3/2017 giữa 02 bên chốt nợ, bà Nh đã trả lại giấy vay đó cho bà X để bà X xé bỏ. Còn bà X có xé bỏ hay không thì bà Nh không biết. Mục đích vay tiền của bà X là kinh doanh trong hộ gia đình.

Bà Nh yêu cầu buộc bà Lê Kim X và ông Huỳnh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nh số tiền vay gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/3/2017 đến 28/6/2017 là 11.100.000 đồng (lãi suất 1%), tổng cả gốc và lãi là 381.100.000 đồng.

Ngày 17/01/2018, bà Nh có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 11.100.000 đồng, chỉ còn yêu cầu buộc bà Lê Kim X và ông Huỳnh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nh số tiền vay gốc là 370.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Bà Nh không đồng ý với đề nghị của bà X là mỗi tháng trả một triệu đồng.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Kim X trình bày:

Bà X với bà Nh là hàng xóm của nhau. Bà X đã nhiều lần vay tiền của bà Nh cụ thể như sau:

Ngày 21/8/2014, bà X vay của bà Nh số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 05/5/2015, bà X vay của bà Nh số tiền 130.000.000 đồng.

Ngày 21/5/2015, bà X vay của bà Nh số tiền 100.000.000 đồng.

Lãi suất thỏa thuận miệng của 03 khoản vay trên là 5%/ tháng và đã trả được số tiền lãi khoảng 200.000.000 đồng, tại phiên tòa bà khai đã trả lãi hơn 500.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này và không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi đã trả.

Đến ngày 20/3/2017 thì bà X và bà Nh có chốt nợ gốc 330.000.000 đồng của 03 lần vay và tiền lãi là 40.000.000 đồng thành bà X còn nợ bà Nh số tiền 370.000.000 đồng thể hiện tại hợp đồng vay tiền có công chứng, lãi suất vay 1%/

tháng, trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn vay từ ngày 20/3/2017 đến ngày 31/5/2017. Mục đích vay tiền để bà X thu mua điều. Khi vay tiền của bà Nh thì ông Huỳnh Đ không biết nhưng sau này ông Đ có biết.

Từ khi vay cho đến nay bà X chưa trả được cho bà Nh số tiền nợ gốc, còn tiền lãi thì trả được đến tháng 12/2016. Từ tháng 12/2016 đến nay thì chưa trả được tiền lãi.

Bà X đồng ý trả số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng cho bà Nh bằng hình thức mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng xin không trả tiền lãi.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đ trình bày:

Việc bà X vay tiền của bà Nh, ông Đ không biết. Do bà Nh cho bà X vay tiền không thông qua ông Đ, ông Đ không ký tên vào hợp đồng vay tiền nên không chứng kiến việc bà X vay tiền của bà Nh.Ông không liên quan gì đến việc bà X vay tiền bà Nh. Do đó, ông Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

- Theo Biên bản xác minh ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại UBND xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung:

Bà Lê Kim X, sinh năm 1954 và ông Huỳnh Đ, sinh năm 1952 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đăk Ơ vào ngày 10/5/2013.

- Theo Biên bản xác minh ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại UBND xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung:

Vào ngày 10/5/2013, bà Lê Kim X, sinh năm 1954 và ông Huỳnh Đ, sinh năm 1952 có đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Tuy nhiên trong quá trình đăng ký do nhầm lẫn trong việc đánh máy, ghi vào sổ đăng ký kết hôn nên đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho ông Huỳnh Đ và bà Lê Kim X có sự sai sót khi ghi "Lê Thị Kim X" tại mục họ tên vợ. Theo giấy tờ bà X nộp khi đăng ký thì bà X có chứng minh nhân dân tên "Lê Kim X". Do đó, "Lê Kim X" và "Lê Thị Kim X" cùng là một người.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tạiBộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

+ Về thụ lý và thông báo thụ lý: Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và Bộ luật dân sự.

+ Về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án:Thẩm phán đã xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự và các đương sự đã chấp hành đúng quy định.

+ Về thu thập chứng cứ và yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ: Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thủ tục hòa giải: Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 18/7/2017, Tòa án thụ lý vụ án, đến ngày 25/12/2017, Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho các đương sự.

+ Về tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy địnhcủa Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

+ Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong đó Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Xét thấy bà Nh cho bà X vay nhiều lần, do bà X không trả nên các bên chốt nợ và làm hợp đồng vay có công chứng. Bà X còn nợ bà Nh 370.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền lãi chuyển thành nợ gốc. Xét yêu cầu của bà Nh là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà X trả nợ cho bà Nh số tiền 370.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nh thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Lê Kim X trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2]Tại phiên tòa,nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nh vàngười đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th yêu cầu bị đơnbà Lê Kim X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đ phải trả cho nguyên đơn bà Nh số tiền vay là 370.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

[3] Yêu cầu trên được nguyên đơn bà Nh và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Th chứng minh qua lời trình bày của mình trước đây và tại phiên tòa cũng như qua hợp đồng vay tiềnngày 20/3/2017 được công chứng

tại Văn phòng công chứng Huỳnh Chiếnvà qua lời xác nhận nợ tiền của bà Lê Kim X.

Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà Nh và bà X là có thật và đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất theo quy định tại Điều 463, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2017 có thời hạn vay từ ngày 20/3/2017 đến ngày 31/5/2017, lãi suất: 1%/ tháng, tiền lãi trả hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi hết thời hạn vay, lãi trả chậm do các bên tự thỏa thuận. Số tiền nợ ghi trong hợp đồng là 370.000.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng tiền lãi mà các bên đương sự bà Nh và bà X đã thỏa thuận chuyển nợ lãi thành nợ gốc. Bà X thừa nhận chưa trả được tiền gốc 370.000.000 đồng và lãi phát sinh nên bà X đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay khi thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Xét ngày 17/01/2018 và tại phiên tòa, bà Nh đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 11.100.000 đồng, không yêu cầu buộc bà X và ông Đ phải trả lãi suất phát sinh. Đây là sự tự nguyện của bà Nh nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nh về số tiền lãi 11.100.000 đồng.

[6]Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nh và bà X, ông Đ chỉ thống nhất được với nhau về việc bà X có nợ bà Nh số tiền vay gốc 370.000.000 đồng. Không thống nhất được với nhau về việc ông Đ có biết việc bà X vay tiền bà Nh và ông Đ không biết việc bà X vay tiền bà Nh.

Tại lời khai của bà X (bút lục 28–27), bà X khai "Việc tôi vay tiền của bà Nh chồng tôi ông Huỳnh Đ không biết nhưng sau này ông Đ có biết" và "Mục đích tôi vay tiền để thu mua điều".

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 20/3/2017, tại Điều 6: sử dụng tiền vay có nội dung : "Số tiền vay được bên B sử dụng để sản xuất và kinh doanh trong hộ gia đình".

Tại Biên bản xác minh ngày 07 tháng 11 năm 2017 và ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại UBND xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung: "Bà Lê Kim X, sinh năm 1954 và ông Huỳnh Đ, sinh năm 1952 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ vào ngày 10/5/2013".

Như vậy, ông Đ là chồng của bà X biết về việc vay, mượn tiền giữa bà X và bà Nh và số tiền bà X vay là để làm ăn kinh tế gia đình. Căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, ông Đ có nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch giữa bà X và bà Nh.

[7] Bà X khai đã trả khoảng 200.000.000 đồng tiền lãi và tại phiên tòa bà lại khai đã trả hơn 500.000.000 đồng tiền lãi, nhưng bà X không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà là đúng và bà X cũng không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi đã trả. Mặt khác, bà Nh không thừa nhận lời khai này của bà X, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[8]Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà X đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay khi thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà Nh được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà X và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nh số tiền 370.000.000 đồng.

[9] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà X trả cho bà Nh số tiền 370.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát không đề nghị buộc ông Đ liên đới cùng bà X trả nợ cho bà Nh là chưa đầy đủ.

[10] Bị đơn bà Lê Kim X trình bày đồng ý trả số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng cho bà Nh bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Do bà Nh không đồng ý với yêu cầu này nên không được chấp nhận.

[11] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đ trình bày đối với với yêu cầu của bà Nh là buộc bà X và ông Đ trả số tiền vay gốc 370.000.000 đồng thì ông Đ không có liên quan gì và không chấp nhận yêu cầu của bà Nh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[12]Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào các điều 466, 468,470 của Bộ luật dân sự 2015; các điều 26, 35, 39,147, 244, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Nh.

Buộc bị đơn bà Lê Kim X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc370.000.000 đồng*(Ba trăm bảy mươi triệu đồng)* cho bà Nguyễn Thị Tuyết Nh.

Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà X và ông Đ chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết Nh về việc yêu cầu bà X và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nh số tiền lãi 11.100.000 đồng.

3.Về án phí: Bà Lê Kim X và ông Huỳnh Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả lại bà Nguyễn Thị Tuyết Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.525.000đồng (*Chín triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp theo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018938 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/3/2018; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKS huyện Bù Gia Mập;
-Các đương sự;
-Chi cục THADS Bù Gia Mập;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thoại